TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11/01/2023
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thuỷ và bà Đinh Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H., sinh năm: 1990;

HKTT: Thôn L.D, xã Đ.Th, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: B.T, xã Đ.L, huyện L., tỉnh Đăk Lăk.

* Bị đơn: Anh Vũ Quốc H1., sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Thôn L.D, xã Đ.Th, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên.

Hiện cư trú và làm việc tại Nhật Bản.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Vũ Trường S., sinh ngày 13/01/2014;

2. Cháu Vũ Bảo Ch., sinh ngày 28/02/2017;

HKTT: Thôn L.D, xã Đ.Th, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu S. và cháu Ch.: Anh H1. và chị H., là bố mẹ đẻ.

* Người làm chứng:

1. Bà Vũ Thị C., sinh năm: 1961;

2. Ông Nguyễn Thanh D., sinh năm: 1963;

Đều địa chỉ: B.T, xã Đ.L, huyện L., tỉnh Đăk Lăk.

3. Bà Bùi Thị Kh., sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Thôn L.D, xã Đ.Th, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên.

(Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng cùng các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. trình bày:

Chị và anh Vũ Quốc H1. sau một thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ.Th, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên vào ngày 24/6/2013. Sau khi kết hôn chị và anh H1. chung sống tại thôn L.D, xã Đ.Th, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên đến năm 2017 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, chị mang con về Thanh Hóa sống. Được sự động viên của gia đình, chị lại quay về chung sống với anh H1.. Năm 2017, anh H1. đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. Đến đầu năm 2022, anh H1. về nước sau đó lại tiếp tục sang Nhật Bản. Năm 2019, chị đi Nhật Bản lao động. Tháng 8 năm 2022, chị về nước và nộp đơn ly hôn, sau đó chị lại sang Nhật Bản làm việc.

Chị xác định mâu thuẫn chính của vợ chồng là do vợ chồng chị không hợp nhau, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên đánh cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, phía anh H1. có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Cả hai có rất ít thời gian ở cùng với nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Chị và anh H1. đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1..

Bị đơn anh Vũ Quốc H1. trình bày:

Anh xác định vợ chồng mâu thuẫn với nhau từ năm 2017. Có việc chị H. mang con về Thanh Hóa nhưng sau đó đã quay về Hưng Yên chung sống cùng gia đình anh. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh và chị H. không hợp nhau, hai bên cũng không thống nhất được trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, một phần nữa là do chị H. có biểu hiện ngoại tình.

Cả hai anh chị đều đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản, anh đi năm 2017 còn chị H. đi năm 2019 nhưng vợ chồng không ở cùng với nhau. Chị H. không quan tâm đến anh, vợ chồng độc lập về kinh tế. Từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Theo anh H1., vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc, hai bên thật sự không còn tình cảm nên anh nhất trí ly hôn với chị H..

Về con chung: Chị H. và anh H1. xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Trường S., sinh ngày 13/01/2014 và cháu Vũ Bảo Ch., sinh ngày 28/02/2017. Hai cháu đều đang ở với bố mẹ đẻ chị H. là ông Nguyễn Thanh D., bà Vũ Thị C. tại địa chỉ: B.T, xã Đ.L, huyện L., tỉnh Đăk Lăk. Hiện nay, chị H. và anh H1. đều đi lao động tại nước ngoài. Chị H. và anh H1. đều đề nghị được nuôi hai cháu, cháu S. có nguyện vọng được ở với chị H.. Ông D., bà C. nhận trách nhiệm nuôi các cháu cho đến khi chị H. về nước.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị H. và anh H1. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H. và anh H1. đều đề nghị Tòa án không hòa giải và giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng là bà Bùi Thị Kh. trình bày:

Anh H1. là con trai của bà đã kết hôn với chị Nguyễn Thị H., có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ.Th cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Anh H1. và chị H. chung sống hạnh phúc được một thời gian và có con chung. Trong quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến vợ chồng anh chị thường xuyên cãi chửi nhau. Gia đình đã hòa

giải nhưng không có kết quả. Nay chị H. khởi kiện xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Trường S., sinh ngày 13/01/2014 và cháu Vũ Bảo Ch., sinh ngày 28/02/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở với ông bà ngoại là ông Nguyễn Thanh D., bà Vũ Thị C., bà đề nghị giao con chung theo nguyện vọng của anh chị. Vợ chồng anh H1., chị H. không liên quan gì về kinh tế với gia đình bà nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Nguyễn Thanh D., bà Nguyễn Thị Chiến trình bày:

Ông, bà là bố đẻ của chị H.. Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, kinh tế không thống nhất, thường xuyên cãi chửi nhau. Nay anh chị xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị H. khởi kiện xin ly hôn với anh H1.. Gia đình ông bà đã hoà giải nhưng anh chị đều cương quyết xin ly hôn nên gia đình nhất trí cho anh chị ly hôn. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Trường S., sinh ngày 13/01/2014 và cháu Vũ Bảo Ch., sinh ngày 28/02/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở với ông bà, do chị H. đang lao động tại nước ngoài, ông bà nhận trách nhiệm nuôi các cháu cho đến khi chị H. về nước. Anh H1. và chị H. không liên quan gì về kinh tế cũng như không có công sức gì đối với gia đình ông, bà nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã Đ.Th, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên cung cấp:

Chị Nguyễn Thị H. và anh Vũ Quốc H1. đã tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ.Th, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên vào ngày 24/6/2013. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, hiện nay anh H1. và chị H. đều lao động tại nước ngoài. Chị H. xin ly hôn với anh H1., địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Trường S., sinh ngày 13/01/2014 và cháu Vũ Bảo Ch., sinh ngày 28/02/2017. Khi ly hôn địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Về tài sản và các vấn đề khác anh chị không yêu cầu giải quyết.

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp tại công văn số 23840/QLXNC - P5 ngày 08/11/2022:

Có trường hợp Nguyễn Thị H., sinh ngày 20/3/1990 tại Thanh Hóa; khai hộ khẩu thường trú tại thôn L.D, Đ.Th, huyện T.L, Hưng Yên; có thông tin xuất cảnh ngày 12/08/2022 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C5002382, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Trường hợp Vũ Quốc H1., sinh ngày 23/8/1987 tại Hưng Yên; khai hộ khẩu thường trú tại thôn L.D, Đ.Th, huyện T.L, Hưng Yên; có thông tin xuất cảnh lần cuối ngày 28/10/2022 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C3305044, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tống đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 73, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên xử, cho chị Nguyễn Thị H. được ly hôn anh Vũ Quốc H1.. Giao cho chị Nguyễn Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Trường S., sinh ngày 13/01/2014 và cháu Vũ Bảo Ch., sinh ngày 28/02/2017 cho đến khi cháu S. và cháu Ch. đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H. không yêu cầu anh H1. cấp dưỡng nuôi con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của ông D., bà C. nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu cho đến khi chị H. về nước.

Về án phí: Chị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H. và anh Vũ Quốc H1. đều có hộ khẩu thường trú tại thôn L.D, xã Đ.Th, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Thời điểm Tòa án nhận đơn và thụ lý vụ án ngày 24 tháng 10 năm 2022, chị H. đang làm việc và sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và những người chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và những người làm chứng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân giữa chị H. và anh H1. được xác lập hợp pháp từ ngày 24/6/2013. Hai anh chị đều thừa nhận vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, kết quả có hai con chung. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, về làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, thường xuyên cãi chửi nhau, anh chị đều nghi ngờ nhau ngoại tình, cả hai anh chị đều không có sự tôn trọng lẫn nhau. Hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình.

Chị H. và anh H1. đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Hai bên thực sự không còn quan tâm, chia sẻ, liên lạc với nhau, kinh tế độc lập, việc của ai người đó làm. Chị H. và anh H1. đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau và cương quyết xin ly hôn.

Do vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H. và anh H1. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. được ly hôn với anh H1. để hai anh chị sớm ổn định cuộc sống mới.

[2.2]. Về con chung:

Chị H. và anh H1. có 02 con chung là cháu Vũ Trường S., sinh ngày 13/01/2014 và cháu Vũ Bảo Ch., sinh ngày 28/02/2017. Chị H. và anh H1. đều đề nghị được nuôi hai cháu. Nhận thấy nguyện vọng nuôi con của cả hai anh chị đều chính đánh và cần được xem xét.

Thực tế hiện nay, chị H. đã về Việt Nam sống cùng bố mẹ ruột và hai con tại Đắk Lắk còn anh H1. hiện đang lao động tại Nhật Bản không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung. Hai cháu Vũ Trường S. và Vũ Bảo Ch. đang sinh sống ổn định cùng với ông bà ngoại là ông Nguyễn Thanh D., bà Vũ Thị C. tại B.T, xã Đ.L, huyện L., tỉnh Đăk Lăk. Cháu S. có nguyện vọng ở với chị H.. Ông D. và bà C. nhận trách nhiệm trông nom chăm sóc hai cháu giúp chị H.. Vì vậy, để đảm bảo nguyện vọng của con chung và tránh những xáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến tâm sinh lý và việc học tập, sinh hoạt của hai cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Vũ Trường S., sinh ngày 13/01/2014 và cháu Vũ Bảo Ch., sinh ngày 28/02/2017 cho chị H. chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu S. và cháu Ch. đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H. không yêu cầu anh H1. cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H1. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị H. và anh H1. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H..

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H. ly hôn anh Vũ Quốc H1..

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Vũ Trường S., sinh ngày 13/01/2014 và cháu Vũ Bảo Ch., sinh ngày 28/02/2017 cho đến khi cháu S. và cháu Ch. đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H. không yêu cầu anh H1. cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H1. có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung; không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, chị H. và anh H1. có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Chị H. và anh H1. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H. phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị H. đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000159 ngày 24/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị H. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H. có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; anh Vũ Quốc H1. được quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *Cục THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *UBND xã Đ.Th;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trung Thực

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Thuỷ **Đinh Thị Hương** **Phạm Trung Thực**